

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 26,27,28/6/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Trịnh Thị Ngọc Ánh	21/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
2	CNTT02	Đàm Thị Bình	18/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	26/6/2020
3	CNTT03	Nguyễn Thị Thanh Hà	02/06/1998	Hưng Yên	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt	26/6/2020
4	CNTT04	Phạm Thu Hà	19/08/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	26/6/2020
5	CNTT05	Nguyễn Văn Hải	19/12/1994	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt	26/6/2020
6	CNTT06	Vũ Thị Hạnh	09/09/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
7	CNTT07	Nguyễn Thị Thúy Hằng	18/09/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt	26/6/2020
8	CNTT08	Bùi Thanh Hiền	09/06/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,2	7,0	Đạt	26/6/2020
9	CNTT09	Nguyễn Thị Hiền	25/12/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	6,5	Đạt	26/6/2020
10	CNTT10	Dương Ngô Hoàng	14/07/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt	26/6/2020
11	CNTT11	Nguyễn Thị Hồng	27/08/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	7,5	Đạt	26/6/2020
12	CNTT12	Hoàng Thị Huyền	02/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
13	CNTT13	Hoàng Thị Hường	20/01/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	26/6/2020
14	CNTT14	Nguyễn Thị Hường	02/01/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt	26/6/2020
15	CNTT15	Nguyễn Thị Mai Linh	15/01/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
16	CNTT16	Diệp Văn Minh	13/10/1994	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	6,5	Đạt	26/6/2020
17	CNTT17	Trần Thị Năm	15/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
18	CNTT18	Nguyễn Thị Ngát	10/12/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	26/6/2020
19	CNTT19	Vũ Thị Bích Ngọc	10/09/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
20	CNTT20	Đoàn Thị Nhân	28/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
21	CNTT21	Hoàng Thị Tuyết Nhi	22/08/1995	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt	26/6/2020
22	CNTT22	Lê Hồng Nhung	11/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt	26/6/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
23	CNTT23	Lê Thị Ninh	21/02/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt	26/6/2020
24	CNTT24	Dương Thị Oanh	27/06/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	26/6/2020
25	CNTT25	Ninh Thị Phương	15/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Sán Chỉ	7,0	7,5	Đạt	26/6/2020
26	CNTT26	Trần Thị Phương	28/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
27	CNTT27	Đỗ Ngọc Sơn	16/09/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	7,0	Đạt	26/6/2020
28	CNTT28	Nguyễn Hà Sơn	20/10/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	7,5	Đạt	26/6/2020
29	CNTT29	Trần Thanh Sơn	08/04/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	7,5	Đạt	26/6/2020
30	CNTT30	Lưu Phương Thảo	29/06/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	26/6/2020
31	CNTT31	Trần Thế Thắng	11/02/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt	26/6/2020
32	CNTT32	Trần Ngọc Thiện	19/02/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt	26/6/2020
33	CNTT33	Lưu Xuân Thúc	21/05/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt	26/6/2020
34	CNTT34	Phạm Thị Tuyền	03/01/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	26/6/2020
35	CNTT35	Trần Long Vũ	14/01/1998	Sơn La	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt	26/6/2020
36	CNTT36	Trần Thị Vững	20/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt	26/6/2020
37	CNTT37	Hoàng Văn Vượng	08/10/1986	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	7,5	Đạt	26/6/2020
38	CNTT38	Hoàng Thị An	26/08/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,5	Đạt	27/6/2020
39	CNTT39	Vi Thành An	30/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
40	CNTT40	Hoàng Thế Anh	28/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	27/6/2020
41	CNTT41	Trương Tuấn Anh	20/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt	27/6/2020
42	CNTT42	Nông Quảng Ba	17/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt	27/6/2020
43	CNTT43	Chu Văn Bảo	07/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	27/6/2020
44	CNTT44	Nguyễn Phương Bắc	20/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt	27/6/2020
45	CNTT45	Lương Văn Bằng	16/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt	27/6/2020
46	CNTT46	La Văn Chỉ	13/09/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
47	CNTT47	Nông Minh Chiến	28/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
48	CNTT48	Hoàng Văn Chung	23/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt	27/6/2020
49	CNTT49	Hoàng Văn Chuyên	25/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
50	CNTT50	Hoàng Văn	Công	29/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt	27/6/2020
51	CNTT51	Mai Thế	Công	09/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt	27/6/2020
52	CNTT52	Nông Mạnh	Cường	24/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt	27/6/2020
53	CNTT53	Lăng Thị	Dinh	23/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt	27/6/2020
54	CNTT54	Lưu Thị	Dung	09/04/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt	27/6/2020
55	CNTT55	Lâm Khánh	Duy	21/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt	27/6/2020
56	CNTT56	Lương Đức	Đại	25/02/2001	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	27/6/2020
57	CNTT57	Hoàng Thế	Đạt	01/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	27/6/2020
58	CNTT58	Trương Ngọc	Đạt	27/11/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,8	5,5	Đạt	27/6/2020
59	CNTT59	Vi Tiến	Đạt	05/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,4	5,0	Đạt	27/6/2020
60	CNTT60	Hứa Văn	Điệp	23/12/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	27/6/2020
61	CNTT61	Lý Văn	Điệp	18/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,0	Đạt	27/6/2020
62	CNTT62	Trương Văn	Đô	09/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt	27/6/2020
63	CNTT63	Hoàng Thị	Hà	10/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,0	5,5	Đạt	27/6/2020
64	CNTT64	Lương Thị Mỹ	Hằng	16/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
65	CNTT65	Đàm Trung	Hiếu	28/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	27/6/2020
66	CNTT66	Hoàng Văn	Hiếu	18/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	27/6/2020
67	CNTT67	Triệu Văn	Hoàng	11/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	27/6/2020
68	CNTT68	Hoàng Phi	Hùng	30/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt	27/6/2020
69	CNTT69	Hoàng Văn	Hưng	20/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	27/6/2020
70	CNTT70	Phạm Minh	Hữu	04/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt	27/6/2020
71	CNTT71	Triệu Văn	Khanh	09/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	27/6/2020
72	CNTT72	Lâm Đăng	Khoa	26/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	27/6/2020
73	CNTT73	Hoàng Trung	Kiên	26/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt	27/6/2020
74	CNTT74	Lê Trung	Kiên	18/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	27/6/2020
75	CNTT75	Nông Thị	Mai	24/02/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,0	5,0	Đạt	27/6/2020
76	CNTT76	Phan Văn	Mạnh	26/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	27/6/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
77	CNTT77	Cáp Thị	Quế	29/10/1975	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	27/6/2020
78	CNTT78	Hoàng Thị Diệu	May	10/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	6,0	Đạt	27/6/2020
79	CNTT79	Hoàng Quý	Mùi	07/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt	27/6/2020
80	CNTT80	Nông Hoài	Nam	14/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	27/6/2020
81	CNTT81	Vi Văn	Nam	22/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	27/6/2020
82	CNTT82	Nguyễn Ngọc	Ngà	06/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt	27/6/2020
83	CNTT83	Vi Văn	Nghị	03/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt	27/6/2020
84	CNTT84	Lao Hoài	Nghĩa	07/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	27/6/2020
85	CNTT85	Linh Thanh	Nghĩa	13/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	27/6/2020
86	CNTT86	Nông Văn Quý	Ngọ	12/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt	27/6/2020
87	CNTT87	Đặng Anh	Ngọc	15/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt	27/6/2020
88	CNTT88	Nông Chung	Nguyên	24/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
89	CNTT89	Nông Thành	Nguyên	19/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	27/6/2020
90	CNTT90	Nguyễn Thị	Nguyên	20/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,0	Đạt	27/6/2020
91	CNTT91	Lưu Thị Nhật	Nguyệt	19/02/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	6,0	Đạt	27/6/2020
92	CNTT92	Hoàng Văn	Nhật	04/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	27/6/2020
93	CNTT93	Vy Xuân	Phú	18/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
94	CNTT94	Hoàng Thị	Phương	25/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
95	CNTT95	Hoàng Thị Sa	Phương	11/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,0	Đạt	27/6/2020
96	CNTT96	Vi Thị Minh	Phương	27/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,0	Đạt	27/6/2020
97	CNTT97	Hoàng Văn	Quang	10/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
98	CNTT98	Trịnh Đỗ Minh	Quân	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt	27/6/2020
99	CNTT99	La Văn	Quyết	16/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt	27/6/2020
100	CNTT100	Nông Văn	Quyết	05/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt	27/6/2020
101	CNTT101	Hoàng Văn	Số	07/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	27/6/2020
102	CNTT102	Lăng Thái	Sơn	15/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	27/6/2020
103	CNTT103	Vi Văn	Thanh	08/03/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt	27/6/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
104	CNTT104	Lương Trung	Thành	31/05/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	27/6/2020
105	CNTT105	Nông Văn	Thành	15/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt	27/6/2020
106	CNTT106	Lăng Văn	Thảo	24/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	27/6/2020
107	CNTT107	Nguyễn Thị	Thảo	11/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	5,0	Đạt	27/6/2020
108	CNTT108	Lăng Văn	Thế	06/06/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	27/6/2020
109	CNTT109	Vi Khánh	Thiện	23/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt	27/6/2020
110	CNTT110	Lưu Ngọc	Thoại	01/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt	27/6/2020
111	CNTT111	Hoàng Thị	Thúy	17/09/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt	27/6/2020
112	CNTT112	Lương Văn	Thương	10/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	27/6/2020
113	CNTT113	Hứa Văn	Thường	18/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	27/6/2020
114	CNTT114	Hoàng Lộc Vi	Tiến	04/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt	27/6/2020
115	CNTT115	Vi Văn	Tín	02/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	27/6/2020
116	CNTT116	Vi Văn	Tĩnh	08/12/2001	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt	27/6/2020
117	CNTT117	Hoàng Văn	Toàn	09/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt	27/6/2020
118	CNTT118	Hứa Thị	Anh	15/04/1996	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt	27/6/2020
119	CNTT119	Nguyễn Hoàng Xuân	Anh	29/03/1996	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt	27/6/2020
120	CNTT120	Nguyễn Văn	Anh	01/12/1990	Hưng Yên	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	27/6/2020
121	CNTT121	Đình Văn	Cường	04/11/1975	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt	27/6/2020
122	CNTT122	Vi Hoài	Diên	22/03/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	27/6/2020
123	CNTT123	Hoàng Hùng	Dương	16/03/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt	27/6/2020
124	CNTT124	Lý Thị Thùy	Dương	13/09/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	Đạt	27/6/2020
125	CNTT125	Lộc Đức	Giang	05/08/1994	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt	27/6/2020
126	CNTT126	Nguyễn Văn	Hà	25/06/1991	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	8,0	Đạt	27/6/2020
127	CNTT127	Nông Huy	Hoàng	06/11/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	27/6/2020
128	CNTT128	Vi Thị Lan	Hương	22/12/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	7,5	Đạt	27/6/2020
129	CNTT129	Đình Thị Thu	Hường	09/10/1977	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	27/6/2020
130	CNTT130	Mạc Trung	Kiên	04/11/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	-	-	-	Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
131	CNTT131	Dương Phương	Linh	07/01/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	Đạt	27/6/2020
132	CNTT132	Hoàng Văn	Lộc	01/08/1971	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	7,0	Đạt	27/6/2020
133	CNTT133	Đàm Thị	Ly	28/11/1990	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Bỏ thi
134	CNTT134	Hứa Quang	Năm	08/01/1995	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,0	Đạt	27/6/2020
135	CNTT135	Lộc Thị	Nga	09/09/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	27/6/2020
136	CNTT136	Nguyễn Thu	Ngọc	22/07/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt	27/6/2020
137	CNTT137	Tô Thị	Nhiên	12/12/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt	27/6/2020
138	CNTT138	Trịnh Thanh	Thanh	06/07/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	27/6/2020
139	CNTT139	Đường Lê	Thi	10/07/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Bỏ thi
140	CNTT140	Nguyễn Thị	Thơm	06/05/1989	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	27/6/2020
141	CNTT141	Nguyễn Ngọc	Thuần	06/11/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	7,0	Đạt	27/6/2020
142	CNTT142	Đỗ Thị Huyền	Trang	02/01/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	6,5	Đạt	27/6/2020
143	CNTT143	Hoàng Thị	Trang	27/11/2000	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt	27/6/2020
144	CNTT144	Lê Thu	Trang	15/07/2002	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	5,0	Đạt	27/6/2020
145	CNTT145	Vi Thị	Trang	07/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt	27/6/2020
146	CNTT146	Nông Quốc	Trường	19/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt	27/6/2020
147	CNTT147	Chu Quang	Tuấn	20/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	27/6/2020
148	CNTT148	Hoàng Văn	Tuấn	14/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt	27/6/2020
149	CNTT149	Nông Minh	Tuấn	04/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	27/6/2020
150	CNTT150	Đinh Sơn	Tùng	21/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt	27/6/2020
151	CNTT151	Phí Văn	Tùng	14/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt	27/6/2020
152	CNTT152	Trịnh Quang	Tùng	13/02/1996	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,5	Đạt	27/6/2020
153	CNTT153	Vy Trọng	Tuyền	11/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt	27/6/2020
154	CNTT154	Lương Thị	Vân	29/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	27/6/2020
155	CNTT155	Nguyễn Văn	Việt	07/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	27/6/2020
156	CNTT156	Triệu Văn	Vinh	02/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	27/6/2020
157	CNTT157	Lương Trường	Vũ	23/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt	27/6/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
158	CNTT158	Ngô Long	Vũ	02/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	27/6/2020
159	CNTT159	Hoàng Ngọc	Xanh	24/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt	27/6/2020
160	CNTT160	Triệu Thị	Yêu	07/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	5,5	Đạt	27/6/2020
161	CNTT161	Hoàng Việt	Anh	18/10/2001	Hung Yên	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt	28/6/2020
162	CNTT162	Phạm Thanh	Bình	29/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
163	CNTT163	Hoàng Đình	Chiến	24/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt	28/6/2020
164	CNTT164	Hoàng Văn	Cường	05/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	28/6/2020
165	CNTT165	Hoàng Thị	Dung	09/04/2001	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
166	CNTT166	Vi Mạnh	Dũng	17/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
167	CNTT167	Hoàng Minh	Đại	30/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt	28/6/2020
168	CNTT168	Hoàng Đăng	Đàn	30/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	28/6/2020
169	CNTT169	Nông Văn	Điềm	20/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
170	CNTT170	Hoàng Văn	Đông	03/04/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
171	CNTT171	Lý Trường	Giang	04/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt	28/6/2020
172	CNTT172	Nông Thị Thu	Hà	18/02/2001	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
173	CNTT173	Lâm Ngọc	Hải	16/10/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	28/6/2020
174	CNTT174	Đặng Thị	Hạnh	20/02/1999	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,7	6,5	Đạt	28/6/2020
175	CNTT175	Phạm Anh	Hào	25/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,0	6,0	Đạt	28/6/2020
176	CNTT176	Hoàng Văn	Hiệp	04/10/1993	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,5	Đạt	28/6/2020
177	CNTT177	Chu Văn	Hóa	03/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
178	CNTT178	Triệu Văn	Hóa	07/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
179	CNTT179	Liều Văn	Hòa	08/05/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt	28/6/2020
180	CNTT180	Nông Quốc	Học	28/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	28/6/2020
181	CNTT181	Bàn Xuân	Hương	27/07/1970	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	6,5	Đạt	28/6/2020
182	CNTT182	Triệu Văn	Huy	18/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
183	CNTT183	Phùng Văn	Khanh	11/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
184	CNTT184	Lăng Văn	Khoan	22/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	28/6/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
185	CNTT185	Hoàng Văn	Kiểm	16/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
186	CNTT186	Lâm Văn	Kiểm	16/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
187	CNTT187	Lục Trung	Kiên	21/04/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,5	Đạt	28/6/2020
188	CNTT188	Lăng Văn	Lâm	02/09/2000	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
189	CNTT189	Nguyễn Thị	Liều	03/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt	28/6/2020
190	CNTT190	Lý Hùng	Linh	20/09/2001	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
191	CNTT191	Lâm Văn	Lợi	06/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt	28/6/2020
192	CNTT192	Lộc Văn	Mạnh	27/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt	28/6/2020
193	CNTT193	Lý Thị	Mến	01/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
194	CNTT194	Hoàng Văn	Mừng	19/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt	28/6/2020
195	CNTT195	Hoàng Đức	Nghĩa	28/06/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	28/6/2020
196	CNTT196	Hoàng Văn	Nguyên	29/10/2003	Thái Nguyên	Nam	Tày	5,0	6,5	Đạt	28/6/2020
197	CNTT197	Hoàng Thị Kiều	Nhâm	13/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
198	CNTT198	Hoàng Long	Nhật	08/12/2000	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt	28/6/2020
199	CNTT199	Dương Công	Quân	01/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt	28/6/2020
200	CNTT200	Nông Văn	Quân	28/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt	28/6/2020
201	CNTT201	Đặng Tiến	Quốc	07/03/2000	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	28/6/2020
202	CNTT202	Lý Văn	Quyến	25/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt	28/6/2020
203	CNTT203	Hoàng Minh	Quyền	14/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt	28/6/2020
204	CNTT204	Hoàng Văn	Thắng	06/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	7,0	Đạt	28/6/2020
205	CNTT205	Triệu Văn	Thắng	22/03/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt	28/6/2020
206	CNTT206	Triệu Đức	Thanh	22/07/1971	Lạng Sơn	Nam	Dao	7,7	6,5	Đạt	28/6/2020
207	CNTT207	Hoàng Duy	Thành	09/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt	28/6/2020
208	CNTT208	Trần Văn	Thiên	16/08/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	28/6/2020
209	CNTT209	Lâm Văn	Thiệt	23/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt	28/6/2020
210	CNTT210	Hoàng Văn	Thời	08/01/1984	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
211	CNTT211	Lâm Thành	Thường	12/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
212	CNTT212	Hoàng Diệu	Thúy	13/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
213	CNTT213	Triệu Thị	Thuyết	01/01/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
214	CNTT214	Hoàng Minh	Toan	23/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt	28/6/2020
215	CNTT215	Lâm Văn	Toàn	17/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt	28/6/2020
216	CNTT216	Nông Thị	Trăng	20/06/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt	28/6/2020
217	CNTT217	Trần Văn	Tuấn	22/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
218	CNTT218	Hoàng Văn	Tùng	29/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
219	CNTT219	Hoàng Trung	Tuyến	08/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	4,5	5,5	Không đạt	28/6/2020
220	CNTT220	Hoàng Trọng	Văn	07/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	28/6/2020
221	CNTT221	Hoàng Anh	Văn	26/02/2000	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
222	CNTT222	Hoàng Đình	Văn	29/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt	28/6/2020
223	CNTT223	Hoàng Đức	Vui	24/08/2000	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
224	CNTT224	Hoàng Văn	Y	06/07/1966	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	8,0	Đạt	28/6/2020
225	CNTT225	Nông Thị	Châm	24/06/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	8,0	Đạt	28/6/2020
226	CNTT226	Dương Thị	Dưa	23/12/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	8,0	Đạt	28/6/2020
227	CNTT227	Nguyễn Tiến	Đạt	24/02/1983	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt	28/6/2020
228	CNTT228	Nông Ánh	Hằng	28/07/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
229	CNTT229	Lương Thị	Hoa	11/08/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
230	CNTT230	Ma Thị	Hồng	23/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
231	CNTT231	Hoàng Thị	Huệ	06/06/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
232	CNTT232	Hoàng Thị	Kỳ	12/02/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt	28/6/2020
233	CNTT233	Hoàng Thị	Nga	18/10/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
234	CNTT234	Đặng Thị	Lợi	29/04/1983	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,5	7,0	Đạt	28/6/2020
235	CNTT235	Trịnh Thị	Minh	30/08/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	28/6/2020
236	CNTT236	Ma Thị	Thoi	07/11/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
237	CNTT237	Nông Thị	Tiên	06/05/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt	28/6/2020
238	CNTT238	Hoàng Văn	Tư	25/03/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
239	CNTT239	Hoàng Văn Anh	18/03/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	6,5	Đạt	28/6/2020
240	CNTT240	Hoàng Thị Ánh	12/10/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt	28/6/2020
241	CNTT241	Hoàng Thị Chi	17/03/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
242	CNTT242	Nguyễn Thị Minh Huế	03/10/1978	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
243	CNTT243	Lường Thị Diệu	06/09/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	28/6/2020
244	CNTT244	Lăng Thị Duyên	06/11/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt	28/6/2020
245	CNTT245	Lăng Thị Hằng	21/10/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt	28/6/2020
246	CNTT246	Hoàng Thị Hẹn	02/10/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
247	CNTT247	Triệu Văn Hiệp	28/07/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
248	CNTT248	Hoàng Thị Hồng	25/12/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt	28/6/2020
249	CNTT249	Hoàng Thị Huệ	28/11/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
250	CNTT250	Nông Thị Thúy Huỳnh	15/06/1976	Cao Bằng	Nữ	Tày	7,2	7,5	Đạt	28/6/2020
251	CNTT251	Hoàng Đức Khánh	04/05/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Bỏ thi
252	CNTT252	Hoàng Đức Kiên	12/12/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
253	CNTT253	Đào Thị Liên	24/04/1985	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	28/6/2020
254	CNTT254	Lâm Thị Liên	15/05/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,0	Đạt	28/6/2020
255	CNTT255	Hoàng Thị Ly	04/11/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,0	Đạt	28/6/2020
256	CNTT256	Hoàng Thị Mến	04/11/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	6,0	Đạt	28/6/2020
257	CNTT257	Mông Thị Mần	21/03/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	6,0	Đạt	28/6/2020
258	CNTT258	Phạm Hùng Nghi	27/07/1962	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	7,0	Đạt	28/6/2020
259	CNTT259	Hoàng Thị Ngọc	31/08/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
260	CNTT260	Vương Thị Tuyết Nhung	25/10/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
261	CNTT261	Lâm Thị Phương	21/04/1969	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,0	Đạt	28/6/2020
262	CNTT262	Hoàng Thị Phượng	31/03/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,0	Đạt	28/6/2020
263	CNTT263	Lâm Thị Phượng	09/01/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
264	CNTT264	Nguyễn Thị Phượng	30/12/1993	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	28/6/2020
265	CNTT265	Hứa Thị Hồng Quyên	15/04/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	7,5	Đạt	28/6/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
266	CNTT266	Hà Công	Thắng	26/03/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt	28/6/2020
267	CNTT267	Hoàng Văn	Thiệp	03/07/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
268	CNTT268	Chu Thị	Thu	13/07/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
269	CNTT269	Vũ Thị Bích	Thuận	02/09/1979	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	28/6/2020
270	CNTT270	Lê Thị	Thục	27/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	28/6/2020
271	CNTT271	Hoàng Bích	Thủy	17/03/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
272	CNTT272	Hoàng Thị	Thủy	29/09/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	6,5	Đạt	28/6/2020
273	CNTT273	Vũ Thị Thu	Thủy	03/01/1977	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
274	CNTT274	Hoàng Thanh	Trà	15/11/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt	28/6/2020
275	CNTT275	Nguyễn Thành	Trung	21/03/1981	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt	28/6/2020
276	CNTT276	Hứa Văn	Vương	14/09/1984	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
277	CNTT277	Nông Văn	Vượng	07/02/1986	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
278	CNTT278	Nông Văn	An	06/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
279	CNTT279	Hoàng Thế	Anh	17/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt	28/6/2020
280	CNTT280	Nông Tuấn	Anh	02/09/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
281	CNTT281	Trần Việt	Anh	20/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt	28/6/2020
282	CNTT282	Hoàng Thị	Bích	17/03/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
283	CNTT283	Hoàng Văn	Chương	12/12/1967	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,5	Đạt	28/6/2020
284	CNTT284	Hoàng Thành	Công	26/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt	28/6/2020
285	CNTT285	Phương Thị	Dung	01/03/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	28/6/2020
286	CNTT286	Hoàng Văn	Dương	17/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
287	CNTT287	Hoàng Thị	Đào	19/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,0	Đạt	28/6/2020
288	CNTT288	Trần Văn	Đức	15/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
289	CNTT289	Hoàng Hương	Giang	16/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,0	Đạt	28/6/2020
290	CNTT290	Vương Trung	Hà	28/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
291	CNTT291	Bế Văn	Hải	30/07/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	28/6/2020
292	CNTT292	Nông Thị	Hiền	26/10/1976	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,0	Đạt	28/6/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
293	CNTT293	Hoàng Ngọc	Hiếu	17/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt	28/6/2020
294	CNTT294	Hoàng Văn	Hiếu	15/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
295	CNTT295	Lý Minh	Hiếu	17/01/2000	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
296	CNTT296	Trần Minh	Hiếu	09/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
297	CNTT297	Lộc Văn	Hòa	16/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
298	CNTT298	Nông Thị	Hoài	19/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
299	CNTT299	Hoàng Văn	Hoan	11/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt	28/6/2020
300	CNTT300	Triệu Thị Thúy	Hồng	27/10/1986	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
301	CNTT301	Hoàng Thị	Hương	20/10/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
302	CNTT302	Vi Quang	Huy	29/01/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt	28/6/2020
303	CNTT303	Sầm Thị	Hường	08/04/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt	28/6/2020
304	CNTT304	Nông Đình	Khoa	20/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
305	CNTT305	Vi Văn	Khoa	12/08/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt	28/6/2020
306	CNTT306	Tô Xuân	Khoanh	19/03/2000	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	28/6/2020
307	CNTT307	Hoàng Văn	Kim	08/05/2000	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	28/6/2020
308	CNTT308	Trần Thị	Kim	19/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
309	CNTT309	Nguyễn Danh	Lam	22/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt	28/6/2020
310	CNTT310	Nông Ngọc	Lan	23/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
311	CNTT311	Bế Tùng	Lâm	18/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
312	CNTT312	Lý Văn	Liêm	24/05/2001	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	28/6/2020
313	CNTT313	Hoàng	Long	17/02/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
314	CNTT314	Vi Thị Thanh	Mai	10/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt	28/6/2020
315	CNTT315	Hoàng Văn	Mạnh	08/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
316	CNTT316	Vi Đức	Mạnh	21/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
317	CNTT317	Nông Quang	Minh	05/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt	28/6/2020
318	CNTT318	Tô Văn	Nghĩa	27/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
319	CNTT319	Lý Thị	Nhâm	03/12/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	28/6/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
320	CNTT320	Hoàng Thị Nhiên	21/06/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
321	CNTT321	La Thị Niên	29/03/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt	28/6/2020
322	CNTT322	Hoàng Thị Oanh	26/08/1993	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt	28/6/2020
323	CNTT323	Hoàng Văn Phong	21/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	28/6/2020
324	CNTT324	Hoàng Văn Phú	01/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
325	CNTT325	Vương Văn Phúc	15/07/2004	Đồng Nai	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
326	CNTT326	Hà Vinh Quang	11/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt	28/6/2020
327	CNTT327	Hà Minh Quân	09/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	Đạt	28/6/2020
328	CNTT328	Hoàng Mạnh Quỳnh	09/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt	28/6/2020
329	CNTT329	Trương Diệu Quỳnh	19/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt	28/6/2020
330	CNTT330	Chu Văn Sĩ	04/11/2001	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
331	CNTT331	Tàng Thị Sinh	17/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
332	CNTT332	Hoàng Văn Tài	02/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
333	CNTT333	Hoàng Thị Vân	21/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt	28/6/2020
334	CNTT334	Hoàng Văn Tân	22/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
335	CNTT335	La Văn Tân	17/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
336	CNTT336	Lý Ngọc Thành	26/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
337	CNTT337	Nông Văn Thành	29/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,5	Đạt	28/6/2020
338	CNTT338	Hoàng Ngọc Thao	10/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
339	CNTT339	Đoàn Thái Thịnh	01/07/2004	Nam Định	Nam	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
340	CNTT340	Hoàng Duy Thịnh	13/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt	28/6/2020
341	CNTT341	Lộc Văn Thịnh	29/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	28/6/2020
342	CNTT342	Hoàng Đức Thuận	25/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt	28/6/2020
343	CNTT343	Nông Quang Thuận	01/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,5	Đạt	28/6/2020
344	CNTT344	Ngô Thanh Thủy	19/09/1975	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,0	Đạt	28/6/2020
345	CNTT345	Lê Thị Phương Trang	03/08/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt	28/6/2020
346	CNTT346	Phùng Thanh Trung	14/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,0	Đạt	28/6/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
347	CNTT347	Hoàng Văn Trường	24/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt	28/6/2020
348	CNTT348	Vi Văn Tú	19/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt	28/6/2020
349	CNTT349	Vi Minh Tuệ	29/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt	28/6/2020
350	CNTT350	Bùi Thế Tùng	21/03/1990	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt	28/6/2020
351	CNTT351	Lý Thanh Tùng	11/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Bỏ thi
352	CNTT352	Lý Hai Uân	19/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt	28/6/2020
353	CNTT353	Lê Ngọc Vinh	29/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt	28/6/2020
354	CNTT354	Vi Thị Vui	04/10/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	28/6/2020
355	CNTT355	Lương Hải Yến	15/10/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	28/6/2020
356	CNTT356	Dương Thị Chi	12/07/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Bỏ thi
357	CNTT357	Nguyễn Mạnh Chiến	16/10/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	6,5	Đạt	26/6/2021
358	CNTT358	Nguyễn Thị Thắm	17/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt	26/6/2022
359	CNTT359	Phạm Thị Thắm	28/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt	26/6/2023

Tổng số thí sinh theo danh sách: 359

Số thí sinh bỏ thi: 15

Số thí sinh dự thi: 344

Số thí sinh đạt yêu cầu: 343

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2020

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang